

DIỆP QUANG BAN

# Ngữ pháp Việt Nam

## PHẦN CÂU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DIỆP QUANG BAN

**NGŨ PHÁP VIỆT NAM**  
**PHẦN CÂU**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mã số: 01.01. 177/305 - ĐH 2004.

## MỤC LỤC

Lời giới thiệu .....	1
Lời đầu sách .....	1
<b>1 MỞ ĐẦU</b> .....	<b>2</b>
<b>1.1 Câu và đơn vị bên trong câu</b> .....	<b>2</b>
1.1.1 Về tên gọi "câu" và "cú" .....	2
1.1.2 Đơn vị và bậc bên trong câu .....	2
<b>1.2 Các chức năng của câu</b> .....	<b>2</b>
1.2.1 Các phương diện sử dụng câu .....	2
1.2.2 Chức năng biểu hiện: diễn đạt kinh nghiệm .....	2
1.2.3 Chức năng lời trao đổi: diễn đạt quan hệ liên nhân .....	2
1.2.4 Chức năng văn bản: diễn đạt cách tổ chức một thông điệp .....	3
<b>1.3 Cấu trúc thực hiện chức năng</b> .....	<b>3</b>
1.3.1 Chức năng biểu hiện: cấu trúc nghĩa biểu hiện .....	3
1.3.1.1 Cấu trúc nghĩa biểu hiện .....	3
1.3.1.2 Các kiểu sự thể .....	3
1.3.1.3 Tham thế .....	3
1.3.1.4 Cảnh hướng .....	3
1.3.1.5 Cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc cú pháp .....	3
1.3.2 Chức năng lời trao đổi: cấu trúc thức .....	3
1.3.2.1 Thức của câu tiếng Việt .....	3
1.3.2.2 Biểu thức thức .....	4
1.3.2.3 Cấu trúc thức của câu tiếng Việt .....	4
1.3.2.4 Đích của thức .....	4
1.3.3 Chức năng văn bản: cấu trúc đề-thuyết .....	4
1.3.3.1 Cấu trúc đề-thuyết .....	4
1.3.3.2 Câu không có cấu trúc đề-thuyết: câu thứ .....	5
<b>1.4 Cấu trúc thực hiện chức năng và cấu trúc cú pháp</b> .....	<b>5</b>
1.4.1 Phân biệt các kiểu cấu trúc trong một câu .....	5
1.4.2 Phân tích phối hợp ba kiểu cấu trúc trong câu .....	6
1.4.3 Phân biệt ba thứ chủ thể trong câu .....	6
<b>Câu hỏi dùng cho "1. Mở đầu"</b> .....	<b>6</b>
<b>2 CÚ PHÁP VÀ NGHĨA BIỂU HIỆN CỦA CÂU</b> .....	<b>6</b>

<b>2.1 Khung câu và các yếu tố trong câu</b> .....	65
2.1.1 Khung câu .....	65
2.1.2.1 Vị tố .....	69
2.1.2.2 Chủ ngữ .....	71
2.1.2.3 Tân ngữ và tân ngữ gián tiếp .....	71
2.1.2.4 Bổ ngữ .....	72
2.1.2.5 Đề ngữ .....	72
2.1.2.6 Gia ngữ .....	73
2.1.2.7 Biệt tố .....	74
2.1.2.8 Liên tố .....	76
2.1.3 Cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu .....	76
2.1.3.1 Yếu tố và cấu trúc .....	76
2.1.3.2 Phân tích cấu trúc cú pháp của câu .....	81
2.1.3.3 Phân tích cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu .....	82
<b>2.2 Các kiểu câu cơ bản của tiếng Việt</b> .....	86
2.2.1 Câu chứa vị tố động từ tính, vị tố tính từ tính, vị tố danh từ tính .....	90
2.2.1.1 Câu chứa vị tố động từ tính .....	91
2.2.1.2 Câu chứa vị tố tính từ tính .....	99
2.2.1.3 Câu chứa vị tố danh từ tính .....	108
2.2.1.4 Nhận xét chung về câu chứa vị tố động từ tính, vị tố tính từ tính, vị tố danh từ tính .....	121
2.2.2 Câu chứa vị tố là từ chỉ quan hệ không dùng độc lập .....	123
2.2.2.1 Câu chứa vị tố là .....	126
2.2.2.2 Câu chứa vị tố <i>bằng</i> (chỉ quan hệ với nguyên liệu) .....	138
2.2.2.3 Câu chứa vị tố <i>tại, do, bởi</i> .....	142
2.2.2.4 Câu chứa vị tố <i>để</i> .....	149
2.2.2.5 Câu chứa vị tố là hư từ chỉ vị trí .....	151
2.2.2.6 Câu chứa vị tố <i>như</i> .....	153
2.2.2.7 Câu chứa vị tố <i>của</i> .....	155
2.2.2.8 Nhận xét chung về câu chứa vị tố là từ chỉ quan hệ dùng không độc lập .....	159
2.2.3 Câu chứa chủ ngữ nguyên nhân .....	164
2.2.3.1 Câu chứa chủ ngữ nguyên nhân không đánh dấu .....	168
2.2.3.2 Câu chứa chủ ngữ nguyên nhân đánh dấu .....	174
2.2.3.3 Khả năng diễn đạt hệ quả là sự thể thuộc tinh thần của câu chứa chủ ngữ nguyên nhân .....	179

2.2.3.4 Thảo luận thêm về bổ ngữ trong câu chứa chủ ngữ chỉ nguyên nhân	180
2.2.3.5 Nhận xét chung về câu chứa chủ ngữ nguyên nhân	185
2.2.4 Câu "khiến động"	196
2.2.5 Câu có chủ ngữ chỉ phương tiện	197
2.2.6 Câu có cấu tạo "thuận nghịch"	199
2.2.8 Câu có để ngữ	203
2.2.9.1 Cấu trúc cú pháp chung của câu bị động	205
2.2.9.2 Chủ ngữ bị động và các vai nghĩa	208
2.2.9.3 Trợ động từ bị động không phải là động từ thực hay động từ tình thái	210
2.2.9.4 Câu bị động khác với câu trung tính	216
2.2.10.1 Câu không chủ ngữ là câu tồn tại	217
2.2.10.2 Khuôn hình cấu trúc cú pháp và vị trí của câu tồn tại	223
2.2.10.3 Những điều kiện gắn với lớp con động từ chuyển tác làm vị trí ở câu tồn tại định vị	230
2.2.10.4 Câu không chủ ngữ chỉ sự xuất hiện và sự tiêu biến	235
2.2.10.5 Phân biệt câu tồn tại và câu mang ý nghĩa tồn tại	236
2.2.11 Câu không có chủ ngữ: câu gọi-đáp	239
2.2.11.1 Câu không chủ ngữ là câu gọi-đáp	239
2.2.11.2 Biểu thức dùng làm lời gọi	240
2.2.11.3 Biểu thức dùng làm lời đáp	241
2.2.12 "Câu cảm thán" là phát ngôn đặc biệt	244
2.2.13 Tổng kết các kiểu câu cơ bản tiếng Việt (xét theo cấu trúc cú pháp-nghĩa biểu hiện)	246
<b>Câu hỏi dùng cho "2. Cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu"</b>	250
<b>3 CÂU PHỦ ĐỊNH VÀ HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH</b>	251
<b>3.1 Về câu phủ định trong tiếng Việt</b>	251
3.1.1 Về việc nghiên cứu câu phủ định	251
3.1.2 Việc phân loại câu phủ định trong tiếng Việt	254
<b>3.2 Câu phủ định tiếng Việt xét từ phương diện ngữ pháp</b>	256
3.2.1 Các phương tiện phủ định trong câu phủ định tiếng Việt	256
3.2.2 Vị trí và tầm tác động của yếu tố phủ định	257
3.2.2.1 Yếu tố phủ định làm thành câu không có chủ ngữ	257
3.2.2.2 Yếu tố phủ định tác động lên toàn phần còn lại của câu	258
3.2.2.3 Yếu tố phủ định tác động lên chủ ngữ của câu	261
3.2.2.4 Yếu tố phủ định tác động lên vị trí của câu	262

## Diệp Quang Ban

---

3.2.2.5 Yếu tố phủ định tác động lên bổ ngữ của câu.....	264
3.2.2.6 Yếu tố phủ định tác động lên gia ngữ của câu.....	265
3.2.2.7 Yếu tố phủ định tác động lên gia ngữ của từ trong câu.....	265
3.2.2.8 Hiện tượng phủ định ở câu không có chủ ngữ.....	266
<b>3.3 Câu phủ định và hành động phủ định.....</b>	<b>267</b>
<b>Câu hỏi dùng cho “3 Câu phủ định và hành động phủ định”.....</b>	<b>270</b>
<b>4 CÂU VỚI TƯ CÁCH LỜI TRAO ĐỔI.....</b>	<b>271</b>
<b>4.1 Câu với chức năng liên nhân.....</b>	<b>271</b>
<b>4.2 Câu và cấu trúc thức trong tiếng việt.....</b>	<b>273</b>
4.2.1 Câu trình bày.....	273
4.2.2 Câu nghi vấn.....	276
4.2.2.1 Câu nghi vấn dùng đại từ nghi vấn.....	276
4.2.2.2 Câu nghi vấn dùng phụ từ.....	285
4.2.2.3 Câu nghi vấn dùng quan hệ từ lựa chọn hay.....	290
4.2.2.4 Câu nghi vấn dùng tiểu từ chuyên dụng.....	292
4.2.3 Câu cầu khiến.....	294
4.2.3.1 Câu cầu khiến dùng các từ chuyên dụng.....	294
4.2.3.2 Một số phương tiện tạo câu cầu khiến có điều kiện.....	296
4.2.4 Câu cảm thán.....	298
4.2.4.1 Câu cảm thán dùng tiểu từ chuyên dụng thay, cho.....	299
4.2.4.2 Câu cảm thán dùng ngữ thái từ <i>nhỉ</i> .....	301
4.2.4.3 Câu cảm thán dùng phụ từ và quán ngữ chỉ mức độ.....	301
4.2.4.4 Biểu thức cảm thán là thán từ và quán ngữ cảm thán.....	303
4.2.4.5 Câu cảm thán là một phát ngôn đặc biệt.....	304
<b>4.3 Về cách sử dụng các kiểu câu với tư cách lời trao đổi.....</b>	<b>305</b>
4.3.1 Về khái niệm “hành động nói”.....	306
4.3.2 Sử dụng hành động nói trực tiếp.....	307
4.3.2.1 Sử dụng câu ngôn hành tương minh.....	308
4.3.2.2 Sử dụng câu ngôn hành hàm ẩn (hay nguyên cấp).....	309
4.3.3 Sử dụng hành động nói gián tiếp.....	310
<b>Câu hỏi dùng cho “4 Câu với tư cách lời trao đổi”.....</b>	<b>312</b>
<b>5 CÂU VỚI TƯ CÁCH THÔNG ĐIẾP.....</b>	<b>313</b>
<b>5.1 Câu với chức năng văn bản.....</b>	<b>313</b>
<b>5.2 câu và cấu trúc đề-thuyết.....</b>	<b>314</b>
5.2.1 Đề không đánh dấu và đề đánh dấu.....	315

5.2.2 Các loại đề: đề-đề tài, đề tình thái, đề văn bản.....	320
5.2.2.1 Đề-đề tài.....	321
5.2.2.2 Đề tình thái.....	321
5.2.2.3 Đề văn bản.....	322
5.2.3 Kiểu cấu tạo của phần đề: đơn đề và bội đề.....	323
5.2.3.1 Đơn đề.....	323
5.2.3.2 Bội đề.....	325
5.2.3 Cấu trúc đề-thuyết trong quan hệ với thức của câu.....	326
5.2.3.1 Cấu trúc đề-thuyết ở câu trình bày.....	327
5.2.3.2 Cấu trúc đề-thuyết ở câu nghi vấn.....	327
5.2.3.3 Cấu trúc đề-thuyết ở câu cầu khiến.....	330
5.2.3.4 Cấu trúc đề-thuyết ở câu cảm thán.....	331
5.2.4 Câu không chứa cấu trúc đề-thuyết: câu thứ.....	332
<b>5.3 Cấu trúc tin.....</b>	<b>333</b>
<b>6. CÂU PHỨC VÀ CÂU GHEP.....</b>	<b>337</b>
<b>6.1 Phân biệt câu phức và câu ghép.....</b>	<b>337</b>
<b>6.2 Một số kiểu câu phức.....</b>	<b>342</b>
<b>6.3 Xác định phạm vi của câu ghép.....</b>	<b>346</b>
6.3.1 Về việc xác định phạm vi của câu ghép tiếng Việt.....	346
6.3.2 Quy ước về phạm vi của câu ghép.....	349
6.3.3 Khái quát về các kiểu câu ghép tiếng Việt.....	352
<b>6.4 Câu ghép chính phụ.....</b>	<b>355</b>
6.4.1 Xác định câu ghép chính phụ trong tiếng Việt.....	355
6.4.2 Câu ghép nguyên nhân.....	358
6.4.3 Câu ghép điều kiện/giả thiết.....	359
6.4.4 Câu ghép nhượng bộ.....	360
<b>6.5 Câu ghép bình đẳng.....</b>	<b>362</b>
6.5.1 Xác định câu ghép bình đẳng trong tiếng Việt.....	362
6.5.2 Câu ghép liên hợp.....	363
6.5.2.1 Câu ghép liên hợp dùng quan hệ từ <i>và</i> .....	364
6.5.2.2 Câu ghép liên hợp dùng quan hệ từ <i>mà, còn, nhưng</i> .....	366
6.5.2.3 Câu ghép liên hợp dùng quan hệ từ <i>hoặc</i> .....	367
6.5.2.4 Câu ghép liên hợp dùng quan hệ từ <i>hay</i> .....	368
6.5.3 Câu ghép tương liên (qua lại).....	368
6.5.3.1 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>vừa... vừa</i> .....	370



6.5.3.2 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>vừa (mới) ... đã</i> .....	371
6.5.3.4 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>chưa ... đã</i> .....	373
6.5.3.5 Câu ghép dùng phụ từ <i>đang... và trợ từ thì</i> .....	374
6.5.3.7 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>còn... còn</i> .....	375
6.5.3.8 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>càng... càng</i> .....	376
6.5.3.9 Câu ghép dùng cặp phụ từ <i>chẳng những... mà ... còn</i> .....	377
6.5.3.10 Câu ghép dùng cặp đại từ phiếm định-xác định .....	378
6.5.4 Câu ghép tiếp liên (chuỗi) .....	379
<b>6.6 Hiện tượng ghép nhiều bậc</b> .....	<b>381</b>
<b>6.7 Tổng hợp các kiểu quan hệ nghĩa giữa các vế trong câu ghép và cách diễn đạt chúng</b> .....	<b>385</b>
6.7.1 Tổng hợp khái quát các kiểu câu ghép và các quan hệ giữa các vế trong câu ghép .....	385
6.7.2 Nhận xét về các kiểu quan hệ thường gặp giữa các vế trong từng kiểu câu ghép và khả năng diễn đạt chúng .....	389
<b>6.8 Hiện tượng xạ ảnh và Câu ghép</b> .....	<b>390</b>
<b>Câu hỏi dùng cho “6 Câu phức và câu ghép”</b> .....	<b>393</b>
<b>7 HIỆN TƯỢNG TÍNH LƯỢC VÀ CÂU DƯỚI BẬC</b> .....	<b>394</b>
<b>7.1 Phân biệt hiện tượng tính lược và câu dưới bậc</b> .....	<b>394</b>
<b>7.2 Một số câu tính lược đáng chú ý</b> .....	<b>397</b>
7.2.1 Câu tính lược chủ ngữ .....	398
7.2.2 Câu tính lược vị tổ .....	403
7.2.3 Câu tính lược bổ ngữ .....	403
<b>7.3 Câu dưới bậc</b> .....	<b>404</b>
7.3.1 Câu dưới bậc tương đương bổ ngữ .....	404
7.3.2 Câu dưới bậc tương đương gia ngữ câu .....	405
7.3.3 Câu dưới bậc tương đương gia ngữ bậc từ .....	407
7.3.4 Câu dưới bậc tương đương đề ngữ .....	407
7.3.5 Câu dưới bậc tương đương liên tổ .....	407
<b>Câu hỏi dùng cho “7 Hiện tượng tính lược và câu dưới bậc”</b> .....	<b>409</b>
<b>Chủ thích</b> .....	<b>410</b>
<b>Tài liệu tham khảo</b> .....	<b>432</b>

## ***Lời giới thiệu***

---

Tác giả **Ngữ pháp Việt Nam – Phần câu** là một trong những người theo đuổi công cuộc nghiên cứu ngữ pháp Việt Nam nhiều năm, và ông đã dành 35 năm cho sự nghiệp này. Cùng với những công trình nghiên cứu đã được công bố, quyển sách này là một cố gắng mới của tác giả nhằm giới thiệu ngữ pháp Việt Nam theo cách nhìn có tính đến những thành tựu của ngôn ngữ học hiện đại. Đường lối thực thi trong sách này là vận dụng những thành tựu của Ngữ pháp chức năng vào tiếng Việt, đồng thời cũng không li khai những thành tựu của Việt ngữ học truyền thống và của cấu trúc luận trong giai đoạn trước đây.

### **1. Về cấu trúc chung của sách**

Sách gồm 7 chương với nội dung cơ bản như sau:

*Chương 1. Mở đầu:* Xác định phương hướng nghiên cứu chung của sách: xem xét cách tổ chức chung của câu đơn (hay là “cú”) và các chức năng cụ thể của câu cùng với các cấu trúc thực hiện các chức năng đó.

*Chương 2. Cú pháp và nghĩa biểu hiện của câu:* Xác định các kiểu câu tiếng Việt về mặt cấu trúc cú pháp và xem xét cấu trúc cú pháp trong quan hệ với cấu trúc nghĩa biểu hiện của chúng. Việc đặt cấu trúc cú pháp bên cạnh cấu trúc nghĩa biểu hiện làm rõ được những hiện tượng quan trọng. Trước cùng một sự việc người nói có thể nhìn nhận theo những cách khác nhau và điều này thể hiện trong những cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau cùng phản ánh sự việc đó. Mặt khác, các cấu trúc nghĩa biểu hiện đó lại có thể được hiện thực hoá bằng những cấu trúc

cú pháp khác nhau có mặt trong một ngôn ngữ cụ thể do ngữ pháp của ngôn ngữ đó quy định.

*Chương 3. Câu phủ định và hành động phủ định:* Xác định các yếu tố tạo thành câu phủ định, tầm tác động của yếu tố phủ định trong câu, và cách dùng câu phủ định để miêu tả và để bác bỏ. Chương này nằm trên đường ranh giới của cấu trúc của câu và việc sử dụng câu, và xem xét chúng trong một kiểu câu riêng: câu phủ định.

*Chương 4. Câu với tư cách lời trao đổi:* Xem xét cấu trúc thức của câu tiếng Việt và việc sử dụng các kiểu câu theo thức (“câu theo mục đích nói” – tên gọi cũ) như là những phương tiện thực hiện sự tác động lẫn nhau của con người – quan hệ liên nhân. Chương này cũng dành một bộ phận để xem xét cách dùng các kiểu câu theo lối trực tiếp và theo lối gián tiếp.

*Chương 5. Câu với tư cách thông điệp:* Xem xét cấu trúc đề-thuyết và cấu trúc tin của câu, như là đơn vị thực hiện chức năng văn bản (tạo văn bản).

*Chương 6. Câu ghép:* Phân biệt câu phức với câu ghép (hay là hợp thể cú – clause complex) và hiện tượng xạ ảnh trong câu ghép.

*Chương 7. Hiện tượng tỉnh lược và câu dưới bậc:* Phân biệt hiện tượng tỉnh lược với câu dưới bậc.

Phần *Chú thích* cuối sách dùng cho cả bảy chương, có tách ra từng chương một.

## 2. Điểm mới của sách

Tiếp nhận đường lối của ngữ pháp chức năng, sách này tất yếu phải làm rõ phần nào các yếu tố của lí thuyết đó ứng dụng vào tiếng Việt. Phần thêm mới quan trọng trong sách này gồm có:

a. Chuyển sang việc xem xét cấu trúc câu theo quan điểm lấy vị tố làm yếu tố chính (đầu tố) của câu, không duy trì cách xem xét cấu trúc câu theo quan điểm cụm từ vốn được dùng rộng rãi ở Việt Nam trong thời gian qua (kể cả tác giả sách này trước đây), tức là chuyển từ cách xem xét câu với hai thành phần chính chủ ngữ và vị ngữ sang cách xem xét câu với một đỉnh là vị tố (predicator).

b. Xem xét các chức năng của câu theo các kiểu cấu trúc thực hiện các chức năng đó mà nhiều nhà ngôn ngữ học đã đề cập trong vài thập kỉ qua. Người soạn sách đã dành cho giải pháp mà nhà ngữ pháp chức năng (hệ thống) M. A. K. Halliday (1994) đề xướng trong *An Introduction to Functional Grammar*. Sự lựa chọn này không hàm ý kéo theo sự phủ định các hệ thống lí thuyết khác, mà vẫn sử dụng các mặt tích cực của lí thuyết khác. Như vậy, có thể xem kết quả nghiên cứu của người soạn sách này là một trong những sự lựa chọn dành cho bạn đọc, nhất là trong giai đoạn trước mắt.

Có thể nêu những điểm chủ yếu sau đây trong lí thuyết ngữ pháp chức năng đã được đưa vào sách này như là những phần mới mẻ.

**a. Sự phân biệt các siêu chức năng của câu (các chức năng của việc sử dụng câu)**

Sự phân biệt các siêu chức năng này giúp phát hiện được các cấu trúc ứng với từng chức năng đó trong một câu của tiếng Việt, theo tinh thần ngữ pháp chức năng của Halliday. Việc này giúp tháo gỡ được những rắc rối do chưa minh định được các phương diện khác nhau như vậy trong một câu của ngữ pháp truyền thống. Hơn nữa, tuỳ mục tiêu của việc sử dụng ngữ pháp của một ngôn ngữ, có thể chọn chức năng này mà bỏ qua chức

năng khác, hoặc coi trọng chức năng này hơn chức năng kia, và vẫn phân tích được cái cấu trúc thực hiện chức năng được chọn trong câu, tránh được sự lẫn lộn các bình diện phân tích. Sự nhận biết các chức năng và các cấu trúc tương ứng của chúng, một mặt, cho thấy được tính tích hợp cao của các phương diện khác nhau trong một câu; mặt khác, lại làm bộc lộ được các diện phân tích thực sự khác hẳn nhau cùng tồn tại trong một câu. Cho nên khi phân tích cấu trúc của câu phải xác định rõ là phân tích chức năng cụ thể nào trong số các chức năng đó.

### **b. Sự phân biệt các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau diễn đạt cùng một sự việc**

Cùng một sự việc có thể được nhìn nhận theo những cách khác nhau, từ đó mà có sự phân biệt các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau có mặt trong những câu khác nhau diễn đạt cùng một sự việc đó. Sự phân biệt này cũng cho thấy cách nhìn cùng một sự việc có thể khác nhau trong những ngôn ngữ khác nhau, và điều này có phần chịu sự chi phối của chính ngữ pháp của một ngôn ngữ cụ thể.

Vì lẽ đó, trong sách này, phần cấu trúc cú pháp (hiểu hẹp) vẫn được coi trọng, và cấu trúc nghĩa biểu hiện được phân tích chung với cấu trúc cú pháp, nhằm làm rõ những khả năng diễn đạt cùng một sự việc trong khuôn khổ cho phép của ngữ pháp tiếng Việt. Đồng thời việc này cũng giúp nhận ra được những khác biệt trong ngữ pháp của tiếng Việt so với ngữ pháp của ngôn ngữ khác trong nhiệm vụ diễn đạt cùng một sự việc nào đó. (Cần lưu ý thêm rằng chính Halliday cũng không gạt bỏ yếu tố cấu trúc cú pháp với các thuật ngữ chủ ngữ, vị ngữ... trong nghĩa hẹp của truyền thống ra khỏi sự phân tích ngữ pháp của ông, chẳng hạn ông sử dụng quan hệ chủ ngữ-vị ngữ làm cơ sở cho

sự phân tích cấu trúc thức của tiếng Anh, phân biệt yếu tố nào thuộc về thức, yếu tố nào thuộc về vị tố, phân biệt bổ ngữ với các gia ngữ v.v...).

**c. Phân biệt các kiểu cấu trúc thức khác nhau tồn tại trong tiếng Việt**

Động từ tiếng Việt không biến hình, cho nên thức của tiếng Việt không gắn liền với động từ và không do động từ biến vị (Finite verb – tức là động từ biến đổi hình thái theo ngôi nhân xưng) quy định. Thức của tiếng Việt được xác định bằng cấu trúc thức, bao gồm phần biểu thức thức (Mood expressions) và phần dư (Residue). Cấu trúc thức giúp hình thành được những kiến trúc (Constructions) khá ổn định và có tính chất chuyên dụng trong câu. Đó chính là thức của câu (Sentence Mood) trong tiếng Việt.

**d. Xem xét cấu trúc đề-thuyết trong chức năng văn bản của câu**

Câu được đưa vào văn bản hoặc được đưa vào tình huống sử dụng cụ thể đều chịu sự chi phối của các yếu tố hữu quan khác. Để nói ra một câu trong việc sử dụng như thế người nói phải xác định điểm xuất phát của câu, đó chính là phần đề của câu. Phần còn lại tiếp theo phần đề là phần thuyết. Việc lập đề cho câu, tức là đưa một yếu tố ngôn ngữ nào đó vào vị trí phần đề trong câu không phải chỉ là do người nói quyết định, nó còn chịu sự chi phối của hệ thống ngôn ngữ cụ thể. Chẳng hạn đối với tiếng Anh, việc đưa một yếu tố chỉ đối tượng của hành động lên đầu câu làm phần đề là việc ít bình thường so với hiện tượng tương tự trong tiếng Việt. Trên cơ sở đó có thể thấy rằng mặc dù cấu trúc đề-thuyết giúp cho cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc thức được thực hiện trong câu, nhưng cũng không phải là có thể

thoát li hoàn toàn khỏi các quy tắc cú pháp của một ngôn ngữ cụ thể. Và đây cũng là một lí do nữa biện minh cho sự có mặt khá đậm nét cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt trong sách này.

\*

Việc vận dụng lí thuyết ngữ pháp hiện đại vào tiếng Việt như có thể thấy trong những điểm vừa nêu, đòi hỏi tác giả sách phải có những giải pháp thích hợp. Và những giải pháp đó cũng để ngỏ đối với những ý kiến nhận xét hoặc phê bình nhất định, vì đó là lẽ sống của công việc nghiên cứu khoa học. Riêng ở đây có thể cần nói thêm rằng người viết có định hướng theo ngữ pháp chức năng một cách rõ rệt, nhưng không độc tôn nó theo kiểu nhất nhất tuân theo một lí thuyết mà có quan tâm đến các lí thuyết khác cũng như mặt thực tiễn của tiếng Việt. Chẳng hạn, ngữ pháp truyền thống chưa bao giờ li khai với mặt nghĩa, nên những điều khái quát đã đạt được đáng cho chúng ta suy nghĩ. Còn với cấu trúc luận thì chính ở mặt hình thức, sự khác biệt về cấu trúc bề mặt (từ vựng-ngữ pháp) của các hệ thống ngôn ngữ bộc lộ rõ nhất. Nhận biết những sự khác biệt đó một mặt giúp cho người bản ngữ ý thức được rõ hơn tổ chức ngữ pháp của bản ngữ để sử dụng một cách tốt hơn, đồng thời rất hữu ích khi họ bắt đầu làm quen với một ngoại ngữ trong môi trường học đường.

Cách tiếp cận như vậy đối với nền ngữ pháp Việt Nam hiện nay trong việc dạy-học ngữ pháp Việt ở bậc Đại học và bậc Cao đẳng là hoàn toàn chấp nhận được. Nó vừa cập nhật được lí thuyết hiện đại, lại vừa đáp ứng được các nhu cầu thực tiễn của bộ môn. Giải pháp này cũng giúp ích được nhiều cho việc nghiên cứu đối chiếu tiếng Việt với ngôn ngữ khác trong việc dạy-học

ngoại ngữ, bởi vì học ngoại ngữ không thể không đối chiếu mặt cấu trúc hình thức của ngoại ngữ với bản ngữ, và ở trình độ nâng cao việc sử dụng tốt ngoại ngữ để thực hiện các chức năng là điều không thể thiếu. Một lí thuyết ngữ pháp chức năng thuần túy chỉ phát huy được nhiều tác dụng đối với người vừa có hiểu biết phong phú về bản thân hệ thống ngôn ngữ lại vừa có văn hoá ngôn ngữ ở một trình độ nhất định.

Với những nhận xét trên về nội dung sách và phương pháp tiếp cận trong việc nghiên cứu của tác giả, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu **Ngữ pháp Việt Nam – Phần câu** của Giáo sư – Tiến sĩ Diệp Quang Ban cùng bạn đọc, như là một sáng kiến trong việc ứng dụng thành tựu mới của khoa học ngôn ngữ vào nghiên cứu tiếng Việt.

*Hà Nội, tháng Tư năm 2004*

NXB ĐHSP



## ***Lời đầu sách***

---

**Ngữ pháp Việt Nam – Phần câu** trình bày hệ thống ngữ pháp tiếng Việt (phần câu) theo cách tiếp cận có quan tâm đến sự tiếp nhận thành tựu của ngữ pháp chức năng trong hơn 20 năm qua, đồng thời vẫn kế thừa những gì đã đạt được từ ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp cấu trúc trong việc nghiên cứu tiếng Việt. Sách này không hề là một ngữ pháp lí thuyết thuần túy, nó vừa mang tính lí thuyết lại vừa mang tính thực tiễn. Cách tiếp cận một môn khoa học như vậy là hoàn toàn có tính chất chiết trung. Tuy nhiên, với một cách xem xét nào đó, người đọc có quan tâm vẫn tách ra được trong sách này phần riêng của các yếu tố thuộc lí thuyết ngữ pháp chức năng (theo định hướng của M. A. K. Halliday) ứng dụng vào tiếng Việt. Người viết chỉ muốn nói thêm rằng những yếu tố đó còn chưa thật đầy đủ và chủ yếu là do nhiệm vụ mà sách đặt ra: không thực thi một lí thuyết thuần túy về ngữ pháp chức năng tiếng Việt.

Sự kết hợp những nguồn lí thuyết khác nhau của sách nhằm vào hai mục đích sau đây: (i) giới thiệu với bạn đọc ngữ pháp Việt Nam một số yếu tố mà lí thuyết ngữ pháp chức năng đã đạt được và một hướng ứng dụng chúng vào tiếng Việt; (ii) giúp những người làm công tác ngoại ngữ và những người nước ngoài học tiếng Việt có thêm phương tiện cần thiết để đối chiếu với tiếng Việt ở mức độ có cập nhật những thành tựu nghiên cứu ngữ pháp mới.

Những nội dung mới gồm trong việc:

- Phân biệt các siêu chức năng của câu.
- Phân biệt các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau diễn đạt cùng một sự việc của tiếng Việt.

- Phân biệt các kiểu cấu trúc thức khác nhau tồn tại trong tiếng Việt.

- Xem xét cấu trúc đề-thuyết trong chức năng văn bản của câu trong tiếng Việt.

- Cấu trúc cú pháp của câu được xem xét theo hướng lấy vị tố (Predicator) làm đỉnh của câu, không theo lý thuyết lấy cụm từ làm xuất phát điểm.

Việc trình bày các nội dung trên trong sách có quan tâm đến yếu tố thời gian của người đọc. Người đọc tùy thời gian vật chất của mình có thể dùng sách theo ba hướng sau đây, từ sự tìm hiểu sơ lược nhất cho đến chi tiết nhất có trong sách.

- Chỉ chọn đọc một vài chương cần quan tâm.

- Chỉ đọc những đoạn lớn trong sách, dừng lại ở những đề mục mang ít con số.

- Đọc chi tiết hơn có chọn lọc hoặc đọc tất cả.

Dù dùng sách theo hướng nào, việc nhìn qua toàn bộ *Chương 1. Mở đầu* cũng là điều mà người biên soạn sách mong muốn được bạn đọc thực hiện. Nó giúp nhận ra quan điểm nghiên cứu chung đối với Ngữ pháp Việt Nam của người soạn sách, và giúp bạn đọc chọn xem những chương còn lại.

Về phía người biên soạn, sách này được đặt trong mối quan hệ với phần nghiên cứu về văn bản (diễn ngôn) của cùng tác giả. Những nội dung của sách này liên thông được với những nội dung trong "*Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*" (in lần đầu 1998, in lại 1999) và "*Giao tiếp. Văn bản. Mạch lạc. Liên kết. Đoạn văn*" (2002, in tại Thành phố Hồ Chí Minh) như một chỉnh thể.

Ngoài những phần mới mẽ nêu trên, các kết quả đã đạt được trong những công trình nghiên cứu tiếng Việt trước đây của chính người biên soạn sách này đều được sử dụng với sự hiệu chỉnh thoả đáng. Chủ yếu đó là những kết quả trong lĩnh vực phân tích mặt nghĩa (phân biệt nghĩa sự việc với tính tình thái) và mặt chức năng của các yếu tố trong câu. Theo đó, sách này không hoàn toàn phủ định những công trình nghiên cứu vốn có của người biên soạn, mà chủ yếu là phân định lại và bổ sung, hiệu chỉnh cho phù hợp với một cơ sở lí thuyết mới.

Vì những lí do nhất định, những gì thuộc bậc câu đã được thực hiện trong sách này vẫn chưa phải đã trọn vẹn, như chưa tính đến các yếu tố tình thái khác trong câu (ngoài cấu trúc thức của câu), và những gì thuộc bậc bên dưới câu thì hoàn toàn còn bỏ ngỏ. Việc lấp đầy những chỗ còn để trống này người viết hi vọng sẽ được thực hiện vào một dịp khác.

\*

Kết thúc *Lời đầu sách*, người biên soạn thừa nhận rằng việc tìm ra một số giải pháp khả chấp cho không ít vấn đề phức tạp của ngữ pháp tiếng Việt đạt được trong sách này, có phần nhờ những gợi ý trong toàn bộ lí thuyết về Ngữ pháp chức năng mang đậm tính hệ thống của Halliday. Trong ý nghĩa đó, người biên soạn sách xin được phép gửi đến Giáo sư M. A. K. Halliday tình cảm biết ơn sâu sắc.

Trong sách, không ít ví dụ được lấy từ các tác phẩm nghệ thuật và mang tính nghệ thuật, người viết xin cảm ơn các tác giả của các tác phẩm đó.

## **Diệp Quang Ban**

---

Cuối cùng và hết sức quan trọng là việc cho sách ra đời và đến cùng bạn đọc. Người biên soạn xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đã tạo điều kiện thuận lợi trong công việc vừa nêu.

Tác giả sách xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GS. TS Lê A, GS TS Hoàng Trọng Phiến và GS TS Bùi Minh Toán, các vị đã bỏ thời gian quý báu để đọc rất kĩ và góp nhiều ý kiến quý báu cho sách với trách nhiệm thành viên của Hội đồng thẩm định.

Người biên soạn sách tuy đã cố gắng nhiều, nhưng chắc không thể tránh được mọi sai sót, mong được quý vị và quý bạn chỉ giáo, góp ý, thông qua địa chỉ *Nxb Đại học Sư phạm*, (trong Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) hoặc theo địa chỉ: *Diệp Quang Ban, nhà 6, dãy H2, Tập thể ĐHSPh Hà Nội, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội*, điện thoại (04) 8348940.

Sự quan tâm đến quyển sách này của quý vị và quý bạn sẽ là niềm vinh hạnh to lớn đối với người biên soạn sách, nhân đây xin quý vị và quý bạn vui lòng nhận lời cảm ơn từ phía người viết sách.

*Hà Nội, 5 - 2004*

***Diệp Quang Ban***